

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/3/2025

Về việc: “Xin ly hôn và giải
quyết việc nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Bà **Nguyễn Thị Kim Hoa**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: **Không.**

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc: “Xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐST - HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Kim Q**, sinh năm 1973 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Lê Văn Q**, sinh năm 1972 (Có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Kim Q trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Trần Kim Q và anh Lê Văn Q tự tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 1996, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/8/1996. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau thì giữa vợ chồng phát sinh

hiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Q chỉ lo cò bạc, không chăm lo cho gia đình và thường xuyên tranh cãi với chị Q. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được. Do đó, chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Q.

- Về con chung: Chị Trần Kim Q và anh Lê Văn Q có 02 người con chung tên là Lê Đoàn Phương U, sinh ngày 29/9/1997 (đã trưởng thành) và Lê Thịnh P, sinh ngày 03/10/2007 hiện đang ở với chị Q. Sau khi ly hôn chị Q yêu cầu được nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Thịnh P đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng người con chung tên Lê Đoàn Phương U đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Trần Kim Q và anh Lê Văn Q tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Kim Q và anh Lê Văn Q không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Văn Q trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn Q đồng ý ly hôn với chị Trần Kim Q.

- Về con chung: Anh Lê Văn Q và chị Trần Kim Q có với nhau có 02 người con chung tên là Lê Đoàn Phương U, sinh ngày 29/9/1997 (đã trưởng thành) và Lê Thịnh P, sinh ngày 03/10/2007. Do hiện nay 02 người con chung trên đã lớn nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Lê Văn Q và chị Trần Kim Q không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Văn Q và chị Trần Kim Q không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Kim Q yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Lê Văn Q. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Kim Q và bị đơn anh Lê Văn Q đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ

Luật tổ tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn chị Trần Kim Q và bị đơn anh Lê Văn Q tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chị Trần Kim Q và bị đơn anh Lê Văn Q xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/8/1996. Như vậy, hôn nhân giữa chị Trần Kim Q và anh Lê Văn Q là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị Trần Kim Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Q do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án chị Q trình bày cuộc sống vợ chồng anh chị mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và thường xuyên cự cãi. Hiện tại, chị Q và anh Q không liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Trần Kim Q đoàn tụ với anh Q nhưng chị Q vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh Q. Đồng thời, anh Q trong quá trình giải quyết vụ án cũng trình bày ý kiến được ly hôn với chị Trần Kim Q. Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ để chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh Q đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị Q xin ly hôn với anh Q Hội đồng xét thấy có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Trần Kim Q và anh Lê Văn Q có 02 người con chung tên là Lê Đoàn Phương U, sinh ngày 29/9/1997 (đã trưởng thành) và Lê Thịnh P, sinh ngày 03/10/2007 hiện đang ở với chị Q. Quá trình giải quyết vụ án chị Q yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Thịnh P, anh Q không có yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Q thì Hội đồng xét xử xét thấy cháu P hiện đang ở với chị Q và được chị Q chăm sóc tốt về mọi mặt. Hơn nữa, cháu P trên 7 tuổi và có ý kiến được ở với chị Q. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu P và đảm bảo cháu được phát triển tốt mọi mặt nên Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Riêng đối với cháu U đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Trần Kim Q và anh Lê Văn Q không có yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, chị Q xác nhận có đủ điều kiện nuôi con chung mà không cần anh Q phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.4] *Về tài sản chung*: Chị Trần Kim Q và anh Lê Văn Q trình bày không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.5] *Về nợ chung*: Chị Trần Kim Q và anh Lê Văn Q trình bày không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Trần Kim Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim Q về việc ly hôn với anh Lê Văn Q.

1/. Về hôn nhân: Chị Trần Kim Q được ly hôn với anh Lê Văn Q.

2/. Về con chung: Giao cho chị Trần Kim Q được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Lê Thịnh P, sinh ngày 03/10/2007 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Lê Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn Q có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Kim Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Kim Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009882 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Q không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hội;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thanh Sang

